TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 17-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/TLST- HS, ngày 10 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Thị M, sinh năm 1957, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn XH, xã BĐ, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị H; bị cáo có chồng và có 05 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh từ ngày 30 tháng 10 năm 2019, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Đỗ Hoàng T, sinh năm 1933;

Trú tại: Thôn 9, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn S, bà Đào Thị L, anh Nguyễn Văn N1, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ ngày 17 tháng 8 năm 2019, tại hiên nhà bị hại ông Đỗ Hoàng T, bị cáo Phạm Thị M thỏa thuận mua của ông T 01 chiếc quạt cũ với giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), bị cáo M đưa ra 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và bảo ông T trả lại. Ông T vào trong nhà, mở tủ lấy ra 01 quyển vở kích thước 20cm x 15cm, bên trong có kẹp số tiền 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) để trả lại bị cáo M. Khi nhìn thấy trong quyển vở của ông T có nhiều tiền, bị cáo M đã nảy sinh chiếm đoạt tiền của ông T, bị cáo cất tờ tiền của mình vào túi quần bên phải, đồng thời tiến lại gần ông T cách ông T khoảng 01 mét, rồi dùng tay trái giật được 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) gồm 02 tờ tiền có mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) trong quyển vở trên tay ông T, làm quyển vở rơi xuống, tiền trong đó rơi ra, lúc này bị cáo M lấy thêm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) rơi trên mặt bàn uống nước, rồi nhanh chóng ra sân lấy xe đạp, đi khỏi nhà ông T. Ông T thấy mất tiền liền hô hoán mọi người đuổi bắt bị cáo M lại. Khi bị cáo Phạm Thị M đi đến thôn 10, xã CM thì bị người dân yêu cầu quay trở lại trả tiền cho ông T đồng thời báo Ban Công an xã CM, huyện VB đến giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị M đã khai nhận hành vi của mình như nội dung vụ án ở trên.

Bản Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố bị cáo Phạm Thị M về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị M từ 30 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị miễn án phí hình sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh, khung hình phạt:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai người chứng kiến vụ việc, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa nên đã đủ cơ sở kết luận: Hồi 6 giờ, ngày 17 tháng 8 năm 2019, bị cáo Phạm Thị M khi thấy bị hại ông Đỗ Hoàng T đem tiền ra trả lại mình, nhìn thấy bị hại có nhiều tiền, bị hại là người già, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bị hại và đã dùng tay trái giật tiền kẹp trong quyển vở của bị hại, bị cáo đã giật được 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) làm toàn bộ số tiền của bị hại rơi xuống, bị cáo lấy thêm một tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị hại, rồi nhanh chóng tẩu thoát. Bị hại thấy mất tiền đã hô hoán mọi người đuổi theo, bắt giữ được bị cáo. Hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo Phạm Thị M như trên đối với ông Đỗ Hoàng T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Phạm Thị M thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản" đối với bị hại là ông Đỗ Hoàng T, sinh năm 1933, tính đến thời điểm bị cáo M thực hiện hành vi cướp giật, bị hại đã 86 (tám sáu) tuổi. Theo tinh thần hướng dẫn tại tiểu mục 4.1, mục 4 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo, thì bị hại ông T xác định là người già yếu. Nên hành vi phạm tội của bị cáo M đối với ông T xác định là phạm tội đối với người già yếu. Đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ, tội phạm bị cáo thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị M phạm tội gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy đinh tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật nơi cư trú.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính bộc phát, tài sản chiếm đoạt không lớn đã được thu hồi trả cho bị hại, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (03 tình tiết), bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là người cao tuổi, đang bị bệnh tim hở van Động mạch chủ, hở van hai lá ¼, sức khỏe rất yếu. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Nên đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung, phù hợp với hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe đạp mini màu xanh và 01 chiếc can màu trắng. Xét đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được trả lại những tài sản này, những tài sản này bị cáo không dùng vào việc phạm tội. Nên căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp; Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã trả lại số tiền 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng), 01 quyển vở và 01 chiếc quạt cho bị hại ông Đỗ Hoàng T; trả lại số tiền 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) cho bị cáo Phạm Thị M theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/NQ-CP, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Thị M 36 (ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Cướp giật tài sản", thời gian thử thách 60 (sáu mươi tháng) kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Thị M cho Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện TL, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án tù cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì Ủy ban nhân dân xã BĐ có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện để thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Phạm Thị M) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Phạm Thị M: 01 (một) chiếc xe đạp mini màu xanh và 01 (một) chiếc can nhựa màu trắng

(Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Thị M được miễn nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Phòng PV27 CATP;
- Sở Tư pháp;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Nhà tạm giữ CA H. Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS H. Vĩnh Bảo;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt